

QUI ĐỊNH VỀ AN TOÀN CỦA CHÂU ÂU



SAFETY REGULATION OF EUROPE

• Các sản phẩm an toàn lao động phải tuân thủ nghiêm ngặt Quy định (Luật) số 89/686/CEE, bảo đảm sản phẩm: AN TOÀN - THOẢI MÁI - KHÔNG NGUY HẠI CHONNGƯỜI SỬ DỤNG.

• Sản phẩm khi mang nhãn hiệu CE có nghĩa phải tuân thủ đúng tiêu chuẩn 89/686/CEE.

• Trước khi sử dụng các sản phẩm an toàn để làm việc, phải tuân thủ nghiêm ngặt Quy định (Luật) số 89/656/CEE về kiểm tra sản phẩm và các điều kiện an toàn khác.

• **PHÂN LOẠI NHÓM HIỂM NGUY ĐỐI VỚI SẢN PHẨM AN TOÀN:**

§ **Nhóm 1 (nguy cơ nhỏ):** Nhà sản xuất có trách nhiệm bảo đảm rằng sản phẩm tuân thủ các yêu cầu cơ bản của qui định 89/686/CEE.

§ **Nhóm 2 (nguy cơ lây bệnh, thương tật):** Phải có giấy chứng nhận phù hợp qui định 89/686/CEE.

☞ § **Nhóm 3 (nguy cơ tử vong):** Phải có giấy chứng nhận thử nghiệm điển hình bởi CE và trong quá trình sản xuất phải tuân theo hướng dẫn về chất lượng của ISO 9000.

• **NHÃN MÁC:** Các sản phẩm phải có nhãn hiệu rõ ràng và gắn chặt vào sản phẩm và ghi rõ sản xuất theo tiêu chuẩn nào của châu Âu. Thời hạn sử dụng - Ngày sản xuất.

• All PPE must comply strictly with the Directive (Law) 89/686/CEE ensuring product: SAFETY - COMFORT- UNHARMED TO USER.

• Product wearing mark CE means that it complies with the 89/686/CEE Directive

• The use of PPE at work must comply strictly with the Directive (Law) 89/656/CEE about checking products and other safety requirements

• **RISK CATEGORIES OF PPE:**

§ **Category 1 (minor risks):** The manufacturer is responsible for ensuring that products comply with the main requirements of the Directive 89/686/CEE

§ **Category 2 (risks of lesions):** CE certified of conformity with Directive 89/686/CEE.

☞ § **Category 3 (risks of death):** CE type examination is obligatory and ISO 9000 guideline on quality during production must be obeyed to.

• **MARKS:** Each product must have mark clearly and firmly fixed to the product and showing what EC standards which it follows to. Expiration Date - Manufacturing Date.

QUI ĐỊNH VỀ AN TOÀN CỦA VIỆT NAM



SAFETY REGULATION OF VIETNAM

Luật Lao động Việt Nam (Điều 192, 194) qui định trách nhiệm của người sử dụng lao động về việc:

• Vi phạm không trang bị phương tiện bảo hộ lao động cho người lao động

• Có trang bị nhưng không đúng tiêu chuẩn về an toàn lao động (TCVN) làm nguy hại đến người lao động

• TCVN 2291-78 qui định về việc bảo vệ người lao động

• Nhãn Mác: Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) qui định rõ tiêu chuẩn cho từng loại sản phẩm an toàn mà nhà sản xuất phải tuân theo và ghi rõ trên sản phẩm.

The Labor Law of Vietnam (Articles 192, 194) stipulated the responsibilities of employer about:

• Violation of non supply of personal protective equipment (PPE) to employees

• Wrong supply of PPE which lead to harm for employees

• Directive of protection to workers TCVN 2291-78

• Marks: Vietnamese standards (TCVN) stipulated particularly standards for each PPE which manufacturers is strictly required by law to follow and shown on the product.

• **Luật** (quy định an toàn) yêu cầu NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG phải:

- + Làm khảo sát mức độ hiểm nguy tại nơi làm việc.
- + Xác định loại dụng cụ cần thiết để bảo vệ người công nhân.
- + Cung cấp cho công nhân các dụng cụ an toàn theo quy định bắt buộc của pháp luật.
- + Định kỳ kiểm tra các dụng cụ an toàn và ghi chú trên thẻ sản phẩm.

• **Law** (Safety Regulation) requires EMPLOYERS must:

- + Carry out a risk evaluation study of the workplace.
- + Define the characteristics of the equipment that is necessary to protect his/her employees.
- + Provide his/her employees with PPE that complies with legal regulations.
- + Undertake regular checks on the equipment, and note these checks on the products' identity cards.



TIÊU CHUẨN ĐỐI VỚI TRANG THIẾT BỊ AN TOÀN LAO ĐỘNG - STANDARDS REQUIRED FOR PPE



Luật yêu cầu phải ghi rõ trên sản phẩm

Required to be shown (Printed) on the product by legal regulation

1. Giày ủng an toàn / Safety shoes, boots
2. Dây đai an toàn (chống rơi ngã) / Fall protection equip
3. Mũ bảo hộ / Safety Helmet
4. Kính bảo hộ / Safety eyewear
5. Găng tay / Safety Gloves
6. Quần áo chống cháy / Fire fighting clothing
7. Quần áo chống nhiệt / Heat protection garment
8. Giày chống cháy / Fire fighting boots / shoes
9. Mũ chống cháy / Fire fighting helmet
- • •

Tiêu chuẩn Việt Nam - Vietnam Standard

TCVN 7652 : 2007 (New)

TCVN 7802-3 : 2007 (New)

TCVN 6407-1988

TCVN 3579-81, TCVN 3581-81

TCVN 3156-79

TCVN 6690-2000

.....

.....

.....

Tiêu chuẩn châu Âu - EU Standard

EN 345

EN 358-361.....

EN 397

EN - 166

EN - 388 - EN 374

EN - 469 - 2005

EN - 1486

EN - 0197-EN 345-2

EN 443

• • •